TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 8 - 2017
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Thành

+ Ông Phạm Hùng Cường

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 195/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐXX-ST ngày 31/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ghi A, sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.
- *Bị đơn:* Ông Lê Việt B, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ghi A trình bày: Bà A và ông Lê Việt B tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân xã D. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng từ năm 2010, giữa bà A và ông B xảy ra mâu thuẫn, hai bên không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát lẫn nhau. Hiện bà A và ông B không còn chung sống với nhau kể từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay. Nay, bà A xác định không còn tình cảm với ông B, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà A và ông B có 01 con chung là Lê Trần Hiếu C, sinh ngày 09/11/2007, bà A yêu cầu nuôi cháu C và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con

chung. Về tài sản chung: Bà A và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Việt B trình bày: Ông B cũng thống nhất như ý kiến của bà A về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên đôi lúc giữa hai bên do không hợp nhau về tính tình, có xảy ra mâu thuẫn, bà A bỏ nhà đi một vài lần. Nhưng ông và bà A đều thống nhất bỏ qua mà về chung sống lại với nhau. Kể từ tháng 8/2016 cho đến nay, ông và bà A không còn chung sống với nhau, do bà A đột nhiên đi khỏi gia đình chồng, ông B không hiểu lý do vì sao bà A bỏ đi. Nay, bà A yêu cầu ly hôn, ông B cũng đồng ý.

Về con chung: Ông B cũng xác định, vợ chồng có 01 con chung là Lê Trần Hiếu C, sinh ngày 09/11/2007, sau khi ly hôn ông B có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông B xác định không có. Ông B yêu cầu Tòa án tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vắng mặt đối với ông.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà A vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà A được ly hôn ông B; về con chung: Giao cháu C cho bà A nuôi dưỡng, ông B không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Việt B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ghi A và ông Lê Việt B tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống, giữa bà A và ông B không hợp nhau về tính tình nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B vắng mặt nhưng theo lời khai của ông B tại hồ sơ vụ án, ông B cũng thừa nhận quá trình chung sống, giữa ông và bà A có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Hiện nay, ông B và bà A đã không còn chung sống với nhau, nay bà A yêu cầu ly hôn, ông B cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa bà A và ông B có sự mâu thuẫn, mục đích hôn nhân khó có thể duy trì, hàn gắn lại nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà A, cho bà A được ly hôn ông B.

[3] Về con chung: Bà A và ông B có 01 con chung là Lê Trần Hiếu C, sinh ngày 09/11/2007, hai bên đều yêu cầu nuôi cháu C và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

chung. Xét cháu C là con gái, hiện bà A đang chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu C cũng có nguyện vọng muốn ở với bà A (theo lời khai của cháu C tại hồ sơ vụ án và phiên tòa sơ thẩm) nên giao cháu C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà A và ông B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà A và ông B đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Ghi A được ly hôn ông Lê Việt B.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Ghi A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Trần Hiếu C, sinh ngày 09/11/2007; ông B không cấp dưỡng nuôi con chung

Ông Lê Việt B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Ghi A phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018117 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ghi A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Lê Việt B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA huyện D;
- UBND xã D
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dA sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dA sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lệ